TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH LIÊM** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 02 - 2022.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Hà và bà Nguyễn Thị Mai;

- Thư ký phiên toà: bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1985;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B - sinh năm 1983;

Cùng nơi cư trú: thôn H T, xã L P, huyện T L, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa: chị Đ vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), anh B vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2021 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau năm 2015, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không được hòa thuận, ngay từ thời gian đầu đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống cũng như làm ăn kinh tế, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng trầm trọng nên từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có liên lạc gì, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trâm A - sinh ngày 07/12/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu ở cùng với chị, nếu ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Trâm A và không yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con.

- Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng đều không có, hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Vợ chồng không có gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn Nguyễn Văn B:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh B biết và nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh B đến Tòa án để viết bản tự khai, tham gia các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù Tòa án đã cử cán bộ và nhờ chính quyền xã Liêm Phong xuống gia đình anh B để làm việc, tống đạt các văn bản; nhưng anh B vẫn không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể yêu cầu anh B làm bản tự khai hoặc tiến hành lấy lời khai đối với anh B và tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tòa án đã tiến hành làm việc với bố đẻ anh Nguyễn Văn B là ông Nguyễn Văn B1, ông B1 trình bày: Gia đình ông được biết hiện nay chị Đ đang có đơn xin ly hôn với anh B tại Tòa án, gia đình đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án và các giấy triệu tập của Tòa án. Bản thân anh B cũng biết việc chị Đ xin ly hôn với anh và cũng đã nhận được các giấy tờ của Tòa án, nhưng anh B không đến Tòa làm việc vì anh B đi theo đạo thiên chúa, nên không muốn ly hôn với chị Đ. Còn về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Đ, anh B, ông B1 trình bày: Chị Đ và anh B kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liêm Phong. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng gia đình ông được một thời gian, sau đó vợ chồng anh chị đi làm ăn ở Miền Nam được khoảng hơn 1 năm thì về. Sau đó, chị Đ đã tự ý bỏ đi khỏi nhà ông từ đó đến nay không quay về. Trong thời gian chị Đ bỏ đi anh B và gia đình ông có xuống thăm cháu và động viên chị Đ quay về, nhưng không có kết quả. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh B, chị Đ ông không được biết. Đến nay, chị Đ có đơn xin ly hôn, quan điểm của gia đình ông cũng như anh B là không nhất trí ly hôn vì gia đình ông theo đạo thiên chúa. Nếu chị Đ kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Xác minh tại chính quyền địa phương xác định:* chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau năm 2015, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện

và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh B ở thôn H T, xã L P được một thời gian. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc được một thời gian sau đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng anh chị vẫn không thể hòa hợp được. Sau đó, chị Đ đã tự ý bỏ đi khỏi nhà; vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến nay, chị Đ có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn B, sau khi nhận được đơn xin ly hôn của chị Đ, chính quyền địa phương đã tiến hành mở hội nghị hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn, do anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên hòa giải nên việc hòa giải không có kết quả. Chị Đ tiếp tục có đơn xin ly hôn với anh B tại Tòa án, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, vì anh, chị còn trẻ, con cái còn nhỏ. Trường hợp anh chị đều kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh, chị có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trâm A - sinh ngày 07/12/2015. Nếu ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện cũng như nguyện vọng của các bên để giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh, chị không có tài sản chung.

- Về công nợ: Tại địa phương anh, chị không có nợ tập thể, còn có nợ cá nhân nào không thì địa phương không rõ.

- Về ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu gì, nên địa phương cũng không có ý kiến gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn B. Về con: giao cháu Nguyễn Ngọc Trâm A cho chị Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Trâm A đủ 18 tuổi, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Nguyễn Văn B hiện đang có HKTT và cư trú tại xã L P, huyện T L, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định phiên tòa vẫn được tiến hành xét xử theo thủ tục chung mặc dù có sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn B kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 23/01/2015 tại UBND xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị chỉ chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn sau đó cùng nhau đi làm ăn xa được một thời gian thì quay về, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, chị Đ đã bỏ đi khỏi nhà từ năm 2017 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không có liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa chị Đ và anh B là phù hợp với pháp luật và thực tế.

[3] Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trâm A - sinh ngày 07/12/2015, hiện nay cháu đang ở cùng với chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng của chị Đ là chính đáng và phù hợp pháp luật. Mặt khác, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Trâm A ở với chị Đ, chị Đ vẫn đảm bảo tốt việc chăm sóc và nuôi dạy cháu. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Trâm A cho chị Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị Nguyễn Thị Đ không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Trâm A - sinh ngày 07/12/2015 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trâm A đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0001260 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Cảnh